

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang.

Ông Nguyễn Trần Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Minh T1, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trung H, sinh năm 1991 (có mặt) (theo giấy ủy quyền lập ngày 06/6/2024).

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị t, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B (vắng mặt).

Bà Hồ Thị T2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Hoàng Trung H trình bày: Ông Trịnh Minh T1 là chủ

cửa hàng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản. Từ năm 2017 đến ngày 03/5/2019 ông Nguyễn Văn Hược và ông Trịnh Minh T1 (là chủ cửa hàng) có hợp đồng về việc thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, thuốc thủy sản. Đến ngày 03/5/2019 hai bên có đối chiếu xác nhận công nợ, có đại diện bên mua ông Nguyễn Văn Hược ký tên. Theo đó ông Hược còn nợ lại ông Trịnh Minh T1 số tiền 297.536.000 đồng. Năm 2020 ông Hược chết, ông T1 có liên hệ nhiều lần bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B trả nợ nhưng bà T2 và ông B vẫn không thanh toán cho ông T1. Ông T1 không yêu cầu tính lãi suất.

Nay ông Trịnh Minh T1 yêu cầu bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B là người quản lý tài sản của ông Hược trả cho ông T1 với tổng số tiền là 297.536.000 đồng.

Đối với bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Minh T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B trả tiền mua thuốc và thức ăn thủy sản. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đề tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ông Trịnh Minh T1 xác định giữa ông với ông Nguyễn Văn Hược là chồng bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B là con ông Hược có thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản. Trong thời gian hợp đồng ông đã cung cấp thức ăn, thuốc thủy sản cho ông Hược. Đến ngày 03/5/2019 hai bên có đối chiếu số nợ và ông Hược đại diện có ký nhận nợ lập cùng ngày 03/5/2019. Ông Hược có thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản của ông Trịnh Minh T1 và còn nợ lại ông T1 số tiền 297.536.000 đồng là thực tế xảy ra. Phía ông T1 đã nhiều lần yêu cầu ông Hược thực hiện trả nợ nhưng ông Hược không thanh toán cho ông T1. Sở theo dõi mua bán

hàng có nội dung là ông Hược mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ lại ông T1 số tiền 297.536.000 đồng, ông Hược có ký tên đúng như ông T1 trình bày. Đối với bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Trịnh Minh T1 cung cấp, bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trịnh Minh T1, đồng thời buộc bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B trả cho ông Trịnh Minh T1 tổng số tiền còn nợ là 297.536.000 đồng là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên phiên tòa ông T1 không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh T1 được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn ông Trịnh Minh T1 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trịnh Minh T1. Buộc bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B trả cho ông Trịnh Minh T1 số tiền còn nợ là 297.536.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Hồ Thị T2 và ông Nguyễn Văn B phải chịu 14.876.800 đồng.

Ông Trịnh Minh T1 được miễn tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng